

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20-3-2019
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đăng Khoa

Ông Nguyễn Huy Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 20 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 958/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị NTKN, sinh năm 1971; nơi cư trú: Số 6/16 tổ 25 đường A, phường B, quận C, thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh NTH, sinh năm 1969; nơi ĐKKHKT: Số 6/16 tổ 25 đường A, phường B, quận C, thành phố Hà Nội; nơi tạm trú: Xã D, huyện E, thành phố Hải Phòng; hiện sinh sống tại: Nhà 24 F, thành phố G, Cộng hòa Liên bang Nga; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/02/2019, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị NTKN trình bày:

Chị và anh NTH chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn từ năm 1997 đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm, lối sống. Hiện anh NTH sinh sống làm việc tại Nga, còn chị và con ở Việt Nam, do vợ

chồng mỗi người một nơi nên không có sự quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh NTH có quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là H, sinh năm 1998 hiện con đã thành niên và đang sinh sống cùng anh NTH tại Cộng hòa liên bang Nga; con I, sinh ngày 28/6/2004, anh chị thỏa thuận giao con chung I cho chị NTKN nuôi dưỡng đến khi con thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh NTH trình bày thống nhất với chị NTKN về quá trình chung sống, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, về con chung và tài sản chung. Anh NTH đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị NTKN.

Vì chị NTKN và anh NTH cùng đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nên theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị NTKN và anh NTH cùng có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc hôn nhân của anh chị. Anh NTH tạm trú tại xã D, huyện E, thành phố Hải Phòng, hiện đang sinh sống ở nước ngoài, theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị NTKN và anh NTH chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình không được công nhận là vợ chồng. Xét thấy việc chung sống giữa chị NTKN và anh NTH hiện nay không có hạnh phúc, mỗi người sinh sống một nơi, không còn ai quan tâm đến ai. Nay cả hai cùng xác định tình cảm không còn, do đó việc chị Kim NTKN và anh NTH cùng đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân của anh chị theo quy định của pháp luật để giải phóng cho nhau là hoàn toàn chính đáng, cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị NTKN và anh NTH có 02 con chung gồm cháu H, sinh năm 1998 hiện cháu đã thành niên và đang sinh sống cùng anh NTH tại Cộng hòa liên bang Nga nên Hội đồng xét xử không xem xét. Riêng I, sinh ngày 28/6/2004, anh chị thỏa thuận giao cháu Vân cho chị NTKN nuôi dưỡng đến khi con thành niên. Thỏa thuận này là tự nguyện, không trái pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu I nên được chấp nhận.

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị NTKN và anh NTH tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị NTKN và anh NTH không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị NTKN là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 4 Điều 207; Điều 266; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị NTKN và anh NTH.

2. Về con chung: Giao con I, sinh ngày 28/6/2004 cho chị NTKN trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim NTKN phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001592, ngày 25/02/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị NTKN đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Thị Thanh Vân

